

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HN-ST

Ngày: 07-9-2017

”V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Bà Lê Thị Thu Hồng – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo-
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Nh, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị Lê Thị Nh có mặt. Anh Nguyễn Văn D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2017 và tại phiên tòa, chị Lê Thị Nh trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Nh và anh Nguyễn Văn D do tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau trước mới tiến đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã An Thạnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2004. Do trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh D thiếu trách nhiệm chăm lo cho vợ con, thường xuyên bạo lực gia đình và anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ năm 2011 chị Nh và anh D không còn sống chung, hiện không còn tình cảm nên chị Nh xin ly hôn.

2. Về con chung: Nguyễn Quốc A, sinh ngày 04/02/2001. Hiện con đang sống chung với chị Nh, khi ly hôn, chị Nh xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Trong quá trình hòa giải, bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về thời gian, điều kiện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn đúng như chị Lê Thị Nh trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, do chị Nh đi làm ăn xa và có mối quan hệ tình cảm với người khác cách nay khoảng 08 – 09 năm. Hiện nay không thể hàn gắn được do chị Nh đã có người khác và có con. Đối với anh D cũng đang sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, cũng đã có con.

Nay chị Nh xin ly hôn, anh D không đồng ý vì còn thương chị Nh, thương con. Về con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 04/02/2001, hiện con đang sống chung với chị Nh. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nh, anh D đồng ý để con cho chị Nh nuôi, anh D không cấp dưỡng. Nếu con muốn sống với anh D thì anh D nuôi, anh D không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Nh; con chung Nguyễn Quốc A, sinh ngày 04/02/2001. Hiện tại Quốc A đang sống với chị Nh, chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Khi được hỏi ý kiến thì Quốc A cũng mong muốn sống với mẹ. Đề nghị ghi nhận. Chị Nh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị ghi nhận; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; nợ chung không có, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Nh, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Lê Thị Nh là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn D là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng vì bận công việc. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Nh, thấy rằng:

Tuy chị Lê Thị Nh và anh Nguyễn Văn D do tìm hiểu quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, có với nhau 01 con chung nhưng quá trình sống chung, chị Nh và anh D không được hạnh phúc, đã có một thời gian dài không còn sống chung. Nay chị Nh xin ly hôn, anh D không đồng ý, cho rằng còn thương chị Nh nhưng cũng thừa nhận hiện tại cả anh D và chị Nh đều sống chung như vợ chồng và có con chung với người khác.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn lấy lời khai của người thân của anh D là ông Nguyễn Văn N (cha ruột anh D) cho thấy: Có phát sinh mâu thuẫn giữa chị Nh và anh D; mâu thuẫn xảy ra nghiêm trọng trong thời gian dài; không còn sống chung với nhau đã 07 – 08 năm, anh D đã có gia đình riêng, việc hàn gắn là không thể.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nh và anh D thực tế đã diễn ra và đến mức trầm trọng, việc hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nh là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Nguyễn Quốc A, sinh ngày 04/02/2001. Hiện tại Quốc A đang sống với chị Nh, chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Tại biên bản về việc lấy ý kiến con chưa thành niên thì Quốc A có nguyện vọng với được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, giao con chung cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Nh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Nh.

Cụ thể tuyên:

1/ Chị Lê Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2/ Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Nh trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 04/02/2001. Ghi nhận việc chị Nh không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

3/ Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét

4/ Về án phí dân sự không có giá ngạch (đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Lê Thị Nh phải chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0007969 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Thúy Hằng